

KẾ HOẠCH

**Triển khai Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích
đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh An Giang**

Căn cứ Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 2269/QĐ-TTg ngày 31/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 09/2022/TT-BTTTT ngày 30/6/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện hỗ trợ máy tính bảng và dịch vụ viễn thông công ích để sử dụng máy tính bảng thuộc Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2025.

Căn cứ Thông tư số 14/2022/TT-BTTTT ngày 28/10/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định danh mục, chất lượng dịch vụ viễn thông công ích và hướng dẫn thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1506/QĐ-BTTTT ngày 12/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông phân bổ máy tính bảng thuộc Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2025 cho các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Quyết định số 2750/QĐ-UBND ngày 11/11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang ban hành Kế hoạch hỗ trợ xóa nghèo, giảm nghèo đối với hộ có công với cách mạng thuộc diện nghèo, cận nghèo giai đoạn 2022 – 2025.

Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang ban hành Kế hoạch triển khai Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh, với các nội dung như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Tham gia công tác triển khai Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2025 (sau đây gọi là Chương trình) trên địa bàn tỉnh An Giang đạt hiệu quả cao.

Dịch vụ viễn thông công ích được cung cấp theo danh mục, chất lượng, giá cước, đối tượng, phạm vi phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình.

2. Mục tiêu cụ thể

- a) Cung cấp dịch vụ viễn thông bắt buộc cho 100% đối tượng sử dụng.
- b) Đạt 100% ấp, phum, sóc có hộ dân sinh sống (gọi chung là ấp) đã có điện thuộc vùng sâu, vùng xa, biên giới, xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và các khu vực mà doanh nghiệp không có khả năng kinh doanh hiệu quả theo cơ chế thị trường được cung cấp dịch vụ viễn thông di động mặt đất.
- c) Đạt 100% ấp đã có điện thuộc các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, biên giới và các khu vực doanh nghiệp không có khả năng kinh doanh hiệu quả theo cơ chế thị trường được cung cấp dịch vụ truy cập Internet băng rộng cố định.
- d) Hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, gia đình chính sách xã hội và các đối tượng chính sách đặc biệt khác.
- đ) Hỗ trợ cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, gia đình chính sách xã hội và các đối tượng chính sách đặc biệt khác trang bị thiết bị đầu cuối phục vụ học tập, thông tin liên lạc.
- e) 100% xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được hỗ trợ cung cấp dịch vụ truy nhập Internet băng rộng công cộng.
- g) Hỗ trợ các đối tượng sử dụng dịch vụ truy nhập Internet băng rộng tại các điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng ở khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và các khu vực khác theo nhiệm vụ của Chương trình.
- h) 100% máy tính bảng, điện thoại thông minh được phân bổ từ Chương trình đến đúng đối tượng cần nhận hỗ trợ theo quy định.

II. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI CỦA KẾ HOẠCH

1. Đối tượng

- a) Các hộ gia đình, thành viên hộ gia đình thuộc hộ nghèo, cận nghèo; gia đình chính sách người có công với cách mạng và gia đình chính sách xã hội.
- b) Các cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông (bao gồm cả điểm trường, nếu có) và các trạm y tế xã.
- c) Các cơ quan, tổ chức, các doanh nghiệp tham gia triển khai Chương trình trên địa bàn tỉnh.

2. Nguyên tắc hỗ trợ

2.1. Đối với hỗ trợ điện thoại thông minh, máy tính bảng:

- a) Đối tượng được hỗ trợ chỉ được hỗ trợ một lần và một thiết bị;
- b) Đảm bảo đúng đối tượng và theo thứ tự ưu tiên được hỗ trợ trong phạm vi số lượng thuộc Chương trình;
- c) Không trùng lặp về đối tượng được hỗ trợ của Chương trình với đối tượng được hỗ trợ từ nguồn khác.
- d) Đảm bảo công khai, dân chủ tại cơ sở trong việc đề xuất đối tượng cụ thể được nhận hỗ trợ.

2.2. Đối với hỗ trợ dịch vụ viễn thông công ích:

- a) Chất lượng dịch vụ truy nhập Internet để sử dụng máy tính bảng đảm bảo yêu cầu phục vụ học tập của học sinh;
- b) Hỗ trợ hàng tháng cho thuê bao sử dụng dịch vụ;
- c) Mức hỗ trợ sử dụng dịch vụ truy nhập Internet để sử dụng máy tính bảng được quy định phù hợp với đặc điểm của từng dịch vụ.
- d) Hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích không trùng lặp với các chương trình, đề án, dự án khác.

3. Phạm vi thực hiện: trên địa bàn tỉnh An Giang.

III. NỘI DUNG TRIỂN KHAI

Triển khai Chương trình bao gồm các nội dung hỗ trợ như sau:

1. Hỗ trợ doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích tại khu vực khó khăn được phổ cập dịch vụ viễn thông theo quy định tại Mục 1 Chương III Thông tư số 14/2022/TT-BTTTT.
2. Hỗ trợ doanh nghiệp cung cấp dịch vụ truy nhập internet băng rộng tại các điểm truy nhập công cộng thuộc các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định tại Mục 2 Chương III Thông tư số 14/2022/TT-BTTTT.
3. Hỗ trợ trang bị máy tính bảng cho đối tượng là hộ nghèo, cận nghèo theo quy định tại Thông tư số 09/2022/TT-BTTTT.
4. Hỗ trợ trang bị điện thoại thông minh cho đối tượng là hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định tại Mục 2 Chương IV Thông tư số 14/2022/TT-BTTTT.
5. Hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo, gia đình chính sách người có công với cách mạng, gia đình chính sách xã hội theo quy định tại Mục 3 Chương IV Thông tư số 14/2022/TT-BTTTT.
6. Hỗ trợ sử dụng dịch vụ truy nhập internet băng rộng cố định mặt đất tại các cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, trạm y tế xã và điểm cung cấp dịch vụ internet băng rộng cho cộng đồng dân cư phục vụ đồng bào dân tộc thiểu số theo quy định tại Mục 5 Chương IV Thông tư số 14/2022/TT-BTTTT.

IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Thông tin tuyên truyền

a) Tổ chức thông tin, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, báo, đài, Cổng thông tin điện tử, mạng xã hội về các nội dung của Chương trình, tình hình thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh.

b) Phổ biến kiến thức, kỹ năng sử dụng các dịch vụ viễn thông công ích trong khuôn khổ Chương trình trên địa bàn tỉnh.

2. Xác nhận đối tượng được hỗ trợ dịch vụ viễn thông công ích trên địa bàn tỉnh

a) Tổ chức rà soát, tổng hợp danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, gia đình chính sách xã hội và các đối tượng khác phục vụ công tác xác nhận đối tượng được hỗ trợ.

b) Xác nhận các danh sách đối tượng được hỗ trợ, đảm bảo đúng đối tượng hỗ trợ theo quy định về danh mục, đối tượng thụ hưởng, phạm vi, giá cước sử dụng và mức hỗ trợ tại Chương trình.

c) Cập nhật danh sách các đối tượng được hỗ trợ khi có phát sinh hỗ trợ mới, ngừng hỗ trợ hoặc thay đổi định mức hỗ trợ theo quy định.

3. Phân bổ hỗ trợ máy tính bảng, điện thoại thông minh của Chương trình trên địa bàn tỉnh

a) Xét chọn và lập Danh sách hộ gia đình được nhận hỗ trợ máy tính bảng, điện thoại thông minh theo các Biểu mẫu được nêu tại Phụ lục 2 đính kèm Kế hoạch này.

b) Tiêu chí ưu tiên hộ gia đình được nhận hỗ trợ máy tính bảng, điện thoại thông minh theo thứ tự sau:

- Hộ nghèo, hộ cận nghèo đồng thời là gia đình chính sách người có công với cách mạng;
- Hộ nghèo, hộ cận nghèo đồng thời là gia đình chính sách xã hội;
- Hộ nghèo, hộ cận nghèo đồng thời là gia đình có thành viên thuộc dân tộc thiểu số;
- Hộ nghèo, hộ cận nghèo tại các xã điểm xây dựng nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh.
- Hộ nghèo;
- Hộ cận nghèo.

c) Trình tự, thủ tục xét chọn hộ gia đình được nhận hỗ trợ máy tính bảng, điện thoại thông minh:

- Bước 1: Rà soát, thống kê danh sách hộ gia đình thuộc đối tượng đủ điều kiện, chưa được nhận hỗ trợ máy tính bảng, điện thoại thông minh trên địa bàn tỉnh.
- Bước 2: Căn cứ tiêu chuẩn ưu tiên tại điểm b Khoản 3 Điều này, lựa chọn các hộ gia đình với số lượng tương ứng với số lượng máy tính bảng, điện thoại thông minh được phân bổ tại thời điểm xét chọn.
- Bước 3: Trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Danh sách hộ gia đình trên địa bàn tỉnh được nhận hỗ trợ máy tính bảng, điện thoại thông minh theo phân bổ.
- Bước 4: Gửi Bộ Thông tin và Truyền thông Danh sách hộ gia đình đã được phê duyệt.

d) Phối hợp tổ chức tiếp nhận và phân bổ hỗ trợ máy tính bảng, điện thoại thông minh theo Quyết định của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc phân bổ máy tính bảng, điện thoại thông minh của Chương trình cho tỉnh An Giang.

4. Giám sát việc triển khai thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh

Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình tại các địa phương và doanh nghiệp tham gia thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh.

V. KINH PHÍ

1. Kinh phí để thực hiện các nội dung hỗ trợ tại Mục III của Kế hoạch này thực hiện theo quy định tại khoản 1 Mục IV Điều 1 của Quyết định số 2269/QĐ-TTg ngày 31/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2025 và các hướng dẫn có liên quan.

2. Các Sở, ngành, địa phương sử dụng từ dự toán chi thường xuyên được giao hằng năm, lồng ghép kinh phí thực hiện các chương trình, dự án và các nguồn hợp pháp khác theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước để thực hiện các nhiệm vụ tại mục IV của Kế hoạch.

3. Các doanh nghiệp viễn thông tham gia Chương trình bố trí kinh phí của đơn vị để thực hiện các nhiệm vụ có liên quan tại Kế hoạch này.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN (*Bảng phân công chi tiết đính kèm Kế hoạch này*)

1. Sở Thông tin và Truyền thông

a) Là đầu mối phối hợp với các sở, ban, ngành, cơ quan, tổ chức trên địa bàn tỉnh để triển khai các nội dung của Kế hoạch này.

b) Chủ trì, phối hợp các đơn vị có liên quan xác nhận hoặc trình cấp có thẩm quyền phê duyệt danh sách đối tượng được hỗ trợ theo quy định theo các Biểu mẫu được nêu tại Phụ lục 2 đính kèm Kế hoạch này.

c) Cung cấp cho Bộ Thông tin và Truyền thông danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo được công nhận theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025, hộ gia đình thoát hộ nghèo, thoát cận nghèo theo kết quả rà soát hàng năm theo quy định để phục vụ công tác quản lý thực hiện Chương trình; thời điểm cung cấp cùng với thời điểm Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo chính thức kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo định kỳ cho Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội theo quy định hiện hành theo các Biểu mẫu được nêu tại Phụ lục 2 đính kèm Kế hoạch này.

d) Cung cấp danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh cho các doanh nghiệp viễn thông cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập trên địa bàn sau mỗi kỳ rà soát theo quy định để cập nhật kịp thời thông tin liên quan đến đối tượng được hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập theo các Biểu mẫu được nêu tại Phụ lục 2 đính kèm Kế hoạch này.

đ) Chủ trì, phối hợp với các doanh nghiệp viễn thông và Ủy ban nhân dân cấp xã tại địa phương rà soát hiện trạng phát triển hạ tầng và phổ cập dịch vụ viễn thông tại địa phương để báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đề nghị Bộ Thông tin và Truyền thông bổ sung, điều chỉnh địa bàn thuộc khu vực khó khăn được phổ cập dịch vụ viễn thông.

e) Hướng dẫn, định hướng tuyên truyền các cơ quan thông tấn báo chí, Cổng thông tin điện tử tỉnh đẩy mạnh công tác tuyên truyền các hoạt động của Chương trình và nội dung Kế hoạch này đến các cấp, các ngành và người dân.

g) Theo dõi, đôn đốc việc thực hiện Kế hoạch này và thực hiện công tác báo cáo kết quả thực hiện theo yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền.

h) Chủ trì phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các đơn vị có liên quan định kỳ thành lập đoàn kiểm tra, giám sát kết quả triển khai thực hiện Chương trình tại các địa phương.

2. Sở Giáo dục và Đào tạo

a) Hướng dẫn các cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý xác nhận hộ có thành viên là học sinh phổ thông theo quy định; xác nhận học sinh là thành viên của hộ nghèo, hộ cận nghèo đã được hỗ trợ thiết bị theo các Biểu mẫu được nêu tại Phụ lục 2 đính kèm Kế hoạch này.

b) Phối hợp phổ biến kiến thức, kỹ năng sử dụng các dịch vụ viễn thông công ích trong khuôn khổ Chương trình trong nhà trường.

c) Phối hợp kiểm tra, giám sát việc thụ hưởng hỗ trợ từ Chương trình đối với các cơ sở giáo dục, học sinh thuộc hộ nghèo, cận nghèo và các đối tượng có liên quan khác.

3. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

a) Chủ trì, phối hợp các đơn vị có liên quan tổng hợp danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, gia đình chính sách xã hội, gia đình chính sách người có công với cách mạng và các đối tượng khác phục vụ công tác xác nhận đối tượng được hỗ trợ.

b) Định kỳ hàng tháng cung cấp cho Sở Thông tin và Truyền thông danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ đã đưa ra khỏi hộ nghèo, hộ cận nghèo sau khi rà soát trong năm theo quy định (nếu có) theo các Biểu mẫu được nêu tại Phụ lục 2 đính kèm Kế hoạch này.

c) Hướng dẫn các cơ quan có thẩm quyền tại địa phương cấp Giấy chứng nhận hoặc bản sao Giấy chứng nhận (có chứng thực) cho hộ gia đình đang là hộ nghèo, hộ cận nghèo để được Chương trình hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích theo quy định.

d) Hướng dẫn các cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý xác nhận hộ có thành viên là học sinh phổ thông theo quy định; xác nhận học sinh là thành viên của hộ nghèo, hộ cận nghèo đã được hỗ trợ thiết bị theo các Biểu mẫu được nêu tại Phụ lục 2 đính kèm Kế hoạch này.

đ) Phối hợp kiểm tra, giám sát việc thụ hưởng hỗ trợ từ Chương trình đối với các hộ nghèo, cận nghèo và các đối tượng có liên quan khác.

4. Sở Y tế

a) Chỉ đạo các trạm y tế xã thuộc phạm vi hỗ trợ của Chương trình phối hợp với các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích triển khai, quản lý phổ cập dịch vụ truy nhập Internet băng rộng cố định mặt đất cho người dân tại cơ sở y tế này.

b) Phối hợp kiểm tra, giám sát việc thụ hưởng hỗ trợ từ Chương trình đối với các trạm y tế xã và các đối tượng có liên quan khác.

5. Sở Tài chính

Căn cứ khả năng cân đối ngân sách, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan đơn vị liên quan tham mưu cấp thẩm quyền, bố trí kinh phí thực hiện kế hoạch trên cơ sở lồng ghép với các chương trình, dự án và các nguồn hợp pháp khác theo quy định về phân cấp của Luật Ngân sách nhà nước.

6. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

a) Phối hợp rà soát, tổng hợp danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, gia đình chính sách xã hội và các đối tượng khác phục vụ công tác xác nhận đối tượng được hỗ trợ trên địa bàn.

b) Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã phối hợp các đơn vị có liên quan tổ chức bàn giao máy tính bảng, điện thoại thông minh cho các đối tượng được hỗ trợ theo đúng danh sách đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

c) Phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông và các đơn vị có liên quan tiếp nhận và giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai Kế hoạch này trên địa bàn.

7. Các Sở, ban, ngành tỉnh

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, tham gia phối hợp, hỗ trợ các đơn vị có liên quan triển khai Kế hoạch này.

8. Đài Phát thanh và Truyền hình An Giang, Báo An Giang, Cổng Thông tin điện tử tỉnh

Tăng cường thực hiện các tin, bài, chuyên mục về Chương trình và các nội dung tại Kế hoạch này, nhất là ở khu vực đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi trên hệ thống thông tin đại chúng do các đơn vị quản lý.

9. Các doanh nghiệp viễn thông tham gia Chương trình

a) Tham gia cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đúng đối tượng với chất lượng, giá dịch vụ và mức hỗ trợ theo quy định.

b) Thực hiện việc xác nhận đối tượng hỗ trợ theo đúng biểu mẫu, trình tự, thủ tục theo hướng dẫn của các cơ quan có thẩm quyền theo các Biểu mẫu được nêu tại Phụ lục 2 đính kèm Kế hoạch này.

c) Chủ trì, phối hợp các đơn vị có liên quan phổ biến kiến thức, kỹ năng sử dụng các dịch vụ viễn thông công ích trong khuôn khổ Chương trình trên địa bàn tỉnh.

d) Thực hiện và báo cáo đầy đủ, kịp thời, chính xác thông tin, số liệu thực hiện Chương trình và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu báo cáo.

đ) Doanh nghiệp được lựa chọn cung cấp dịch vụ viễn thông di động mặt đất tại các khu vực khó khăn được phổ cập dịch vụ viễn thông theo hình thức đấu thầu có trách nhiệm chia sẻ cơ sở hạ tầng viễn thông theo quy định của pháp luật có liên quan.

e) Tăng cường giới thiệu về các nội dung tại Kế hoạch này tại các điểm giao dịch, các phương tiện truyền thông của các doanh nghiệp.

10. Đối tượng sử dụng dịch vụ viễn thông công ích

a) Lựa chọn dịch vụ viễn thông công ích để sử dụng và phối hợp các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích thực hiện đầy đủ các quy định về hồ sơ, thủ tục đăng ký mới, thay đổi sử dụng dịch vụ, tạm dừng, ngừng được hỗ trợ theo quy định.

b) Cung cấp đầy đủ, chính xác các thông tin cần thiết, đúng đối tượng được hỗ trợ cho các cơ quan nhà nước liên quan và cho doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông khi đề nghị được hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích và chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin, tài liệu đã cung cấp.

c) Hộ gia đình thuộc đối tượng được hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập chỉ đăng ký sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập đối với một doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích trên địa bàn thường trú.

d) Quản lý, sử dụng thiết bị đầu cuối được hỗ trợ đúng mục đích; sử dụng dịch vụ viễn thông công ích tiết kiệm, hiệu quả.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị báo cáo về Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Thông tin và Truyền thông) để được hướng dẫn./.

Nơi nhận:

- Bộ TT&TT;
- TT: TU, HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- UBND huyện, thị xã, thành phố;
Phòng KGVX;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thanh Bình